

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: CTCP SÁCH GIÁO DỤC TẠI TPHCM
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Địa chỉ trụ sở chính: 363 Hưng Phú - Phường 9 - Quận 8 – TPHCM
4. Điện thoại: 08.39540600 – 08.39540601 Fax: 08.39540598
5. Người được UQ CBTT: Nguyễn Minh Ngọc
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính công ty mẹ 2020 của Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM được lập ngày 22/03/2021 bao gồm: BCĐKT, BC KQKD, BC LCTT, TM BCTC.

7. Nội dung giải trình:

7.1 BCTC CÔNG TY MẸ: : Lợi nhuận sau thuế giảm 38% so với cùng kỳ năm trước do:

- Doanh thu bán sách không giảm so với cùng kỳ nhưng giá vốn tăng 8% so với cùng kỳ (do cơ cấu doanh thu sách Công Ty tự in gia công giảm, sách mua vào bán ra lợi nhuận không cao) dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 26%.
- Doanh thu tài chính giảm 32%

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sgd.edu.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 8 - T.P. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN MINH NGỌC



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 33

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2020 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 28.39540600
- Fax: (84) 28.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo NĐ 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

Nhân sự

Tổng số nhân viên đến cuối năm tài chính là 24 người. Trong đó nhân viên quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lâm Quỳnh Hương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Ông Ngô Anh Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Lê Thị Tuyết Minh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Ngô Thị Thanh Huyền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/03/2019 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/03/2019 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng Ủy viên Bỏ nhiệm ngày 07/03/2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Ông Nguyễn Ái Bình Phó Tổng Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 15/08/2019
- Ông Ngô Trọng Vinh Phó Giám đốc Bỏ nhiệm ngày 08/03/2014
- Bà Nguyễn Thị Lan Phương Kế toán trưởng Bỏ nhiệm lại ngày 08/03/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc Công ty là Ông Nguyễn Ái Bình ký Báo cáo tài chính căn cứ theo Giấy ủy quyền số 271/QĐ-TC ngày 15/08/2019.

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Số: XXX/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 10/03/2021 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2020 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



A blue ink signature, likely belonging to Dương Thị Hằng, the auditor.

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1
Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Dương Thị Hằng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3947-2017-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.476.837.276	43.383.391.593
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.802.423.023	9.238.046.806
1. Tiền	111		4.302.423.023	3.993.580.548
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	5.244.466.258
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.631.036.755	5.020.723.617
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	5.486.543.092	5.486.543.092
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(855.506.337)	(465.819.475)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.135.032.223	20.391.496.407
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.915.455.152	10.965.147.075
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36.511.182	907.500
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	7.450.000.000	10.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	685.929.157	356.464.303
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(952.863.268)	(931.022.471)
IV. Hàng tồn kho	140	11	7.627.678.526	8.474.019.276
1. Hàng tồn kho	141		8.076.599.908	8.474.019.276
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(448.921.382)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		280.666.749	259.105.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	13.423.681	12.985.995
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	17	109.368.849	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	157.874.219	246.119.492
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.699.079.463	34.251.653.173
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		9.207.711.649	9.196.806.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.739.554.777	2.728.649.295
- Nguyên giá	222		5.761.950.386	5.561.078.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.022.395.609)	(2.832.429.191)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.468.156.872	6.468.156.872
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	6.468.156.872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.b	30.491.367.814	24.960.450.006
1. Đầu tư vào công ty con	251		23.514.205.700	23.444.205.700
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.837.886)	(483.755.694)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	94.397.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	-	94.397.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		75.175.916.739	77.635.044.766

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.053.972.354	23.350.517.346
I. Nợ ngắn hạn	310		18.053.972.354	23.350.517.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	10.591.638.343	15.330.275.379
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	61.432.770	80.183.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	19.829.512	71.619.137
4. Phải trả người lao động	314		4.250.264.862	5.530.563.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	3.095.253.367	2.304.754.739
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	35.553.500	25.286.824
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.121.944.385	54.284.527.420
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	57.121.944.385	54.284.527.420
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	2.227.438.218	2.227.438.218
3. Cổ phiếu quỹ	415	20	(679.873.904)	(679.873.904)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	9.309.745.151	6.472.328.186
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.472.328.186	5.951.486.993
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.837.416.965	520.841.193
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		75.175.916.739	77.635.044.766



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	62.269.120.940	61.732.399.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	346.482.089	347.271.076
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		61.922.638.851	61.385.128.020
4. Giá vốn hàng bán	11	23	52.128.649.848	48.096.875.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		9.793.989.003	13.288.252.786
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	2.228.851.670	3.265.107.090
7. Chi phí tài chính	22	25	(54.661.083)	383.941.501
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	16.569.863	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	6.073.504.836	5.976.275.869
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	2.925.019.791	5.086.931.960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.078.977.129	5.106.210.546
11. Thu nhập khác	31		6.348	200.168
12. Chi phí khác	32	27	1.155.970	212.806
13. Lợi nhuận khác	40		(1.149.622)	(12.638)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.077.827.507	5.106.197.908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	240.410.542	542.356.715
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.837.416.965	4.563.841.193



Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Ái Bình

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Đỗ Thị Ngọc Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.077.827.507	5.106.197.908
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	189.966.418	331.398.554
- Các khoản dự phòng	03	399.531.233	(1.956.282.595)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.228.851.670)	(3.255.910.290)
- Chi phí lãi vay	06	16.569.863	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	1.455.043.351	225.403.577
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	623.114.855	4.342.640.229
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	397.419.368	1.887.268.763
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.287.177.150)	2.068.580.471
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	93.959.314	599.081.405
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	44.706.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(16.569.863)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(267.344.549)	(756.422.648)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(7.834.518)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.009.389.192)	8.411.257.797
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(200.871.900)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	(12.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	3.550.000.000	2.650.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.070.000.000)	(2.133.808.689)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.296.170.633	3.018.571.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(424.701.267)	(8.465.237.083)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.533.324)	(8.893.066.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.533.324)	(8.893.066.676)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.435.623.783)	(8.947.045.962)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.238.046.806	18.185.092.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.802.423.023	9.238.046.806

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Ái Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07/04/2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103002336 ngày 20/05/2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 14/07/2020 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách. Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản);
- Giáo dục nhà trẻ;
- Giáo dục mẫu giáo;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước;
- Đào tạo sơ cấp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành xăng dầu. Bán buôn thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn phương tiện vận tải và phụ tùng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thiết bị, vật tư phục vụ cho lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời;
- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện gió, điện mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Bán điện năng lượng mặt trời (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước, không hoạt động thương mại theo ND 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết:

- Các công ty con
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long
Địa chỉ: Số 23 đường Lê Văn Tám, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chính: Phát hành các loại sách dùng trong nhà trường, phân phối cung ứng các loại thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 79,36%
 - ✓ Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai
Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.
Tỷ lệ sở hữu: 55,99%
- Công ty liên kết: Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam
Địa chỉ: Nhà D tầng 2, khu văn phòng Vinaconex 1, 289 A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất điện.
Tỷ lệ sở hữu: 25%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các công ty con. Theo các quy định hiện hành, cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư vào công ty con; công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	3
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6
Tài sản cố định khác	4

4.6 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Trong năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội do có doanh thu dưới 200 tỷ đồng.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
Tiền mặt	163.138.810	310.078.875
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.139.284.213	3.683.501.673
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	1.500.000.000	5.244.466.258
Cộng	5.802.423.023	9.238.046.806

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Chứng khoán kinh doanh	5.486.543.092	5.433.736.760	855.506.337	5.486.543.092	7.038.320.200	465.819.475
+ Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục (ECI)	3.044.031.947	3.822.400.000	-	3.044.031.947	4.300.200.000	-
+ Công ty CP sách GD TP Hà Nội (EBS)	95.578	99.000	-	95.578	80.000	15.578
+ Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận (BST)	303.271.470	327.600.000	-	303.271.470	1.064.700.000	-
+ Công ty CP Sông Đà 4 (SD4)	36.365.340	11.100.000	25.265.340	36.365.340	11.100.000	25.265.340
+ Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8 (VE8)	992.861.234	438.000.000	554.861.234	992.861.234	788.400.000	204.461.234
+ Công ty CP Tập đoàn FLC (FLC)	954.277.275	719.877.760	234.399.515	954.277.275	739.160.200	215.117.075
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà HUD2 (HD2)	155.640.248	114.660.000	40.980.248	155.640.248	134.680.000	20.960.248
Cộng	5.486.543.092	5.433.736.760	855.506.337	5.486.543.092	7.038.320.200	465.819.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2020					01/01/2020				
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					23.514.205.700	-			23.444.205.700	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (*)	<i>Đang hoạt động</i>	55,99%	55,99%	925.300	11.445.035.700	-	55,99%	55,99%	11.445.035.700	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long (*)	<i>Đang hoạt động</i>	79,36%	79,36%	1.114.040	12.069.170.000	-	78,86%	78,86%	11.999.170.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					5.000.000.000	22.837.886			-	-
- Công ty CP Năng lượng EBS Solar Việt Nam	<i>Đang hoạt động</i>	25%	25%	500.000	5.000.000.000	22.837.886	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					2.000.000.000	-			2.000.000.000	483.755.694
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (**)	<i>Đang hoạt động</i>	1,84%	1,84%	200.000	2.000.000.000	-	1,84%	1,84%	2.000.000.000	483.755.694
Cộng					30.514.205.700	22.837.886			25.444.205.700	483.755.694

(*) Kết quả kinh doanh của các Công ty có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(**) Công ty đã nhận được Báo cáo tài chính năm 2020 trước kiểm toán của công ty nhận đầu tư có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của công ty này cũng chưa được niêm yết trên các Sở giao dịch nên khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH Sách - Thiết bị Giáo dục Đức Trí	1.058.156.207	1.034.164.712
Công ty TNHH Thiết bị & Đo đạc Chu Lê	551.406.522	551.406.522
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông	608.452.750	495.736.755
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	801.509.076	321.344.571
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	244.191.800	304.706.967
Đối tượng khác	6.651.738.797	8.257.787.548
Cộng	9.915.455.152	10.965.147.075

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	13.025.100	6.910.040
Công ty CP Học liệu (EMCO)	1.094.801	34.109.067
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	-	276.745.306
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	234.406.795	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	244.191.800	304.706.967
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	129.163.310	11.269.660
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	315.177.950	-
Cộng	937.059.756	633.741.040

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Đầu tư CMC (bên liên quan) (*)	7.450.000.000	10.000.000.000
Cộng	7.450.000.000	10.000.000.000

(*) Cho Công ty Cổ phần Đầu tư CMC vay ngắn hạn theo hợp đồng vay vốn số 01/2019/HĐVV-CMC ngày 01/10/2019, thời gian vay từ 01/10/2019 đến 01/04/2020, số tiền vay là 10.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 7,5%/năm. Hợp đồng này đã được gia hạn theo phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-CMC ngày 03/10/2020, thời gian gia hạn từ 03/10/2020 đến 03/04/2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	67.318.963	-
- Trong đó: Công ty CP Đầu tư CMC	-	-	64.583.333	-
(Bên liên quan)				
Tạm ứng	500.888.050	-	105.395.900	-
Ký quỹ	181.830.000	-	181.830.000	-
Phải thu khác	3.211.107	-	1.919.440	-
Cộng	685.929.157	-	356.464.303	-

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020	01/01/2020
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	744.599.258	718.012.173
+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	22.851.325	29.110.959
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	185.412.685	45.680.538
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	138.218.801
Cộng	952.863.268	931.022.471

11. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.440.567	-	729.592.550	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.173.787.221	-	789.382.432	-
Thành phẩm	5.811.300.531	448.921.382	6.808.391.788	-
Hàng hóa	1.069.071.589	-	146.652.506	-
Cộng	8.076.599.908	448.921.382	8.474.019.276	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2020 là 448.921.382 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	13.423.681	12.985.995
Cộng	<u>13.423.681</u>	<u>12.985.995</u>

b. Dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí tổ chức bản thảo	-	94.397.000
Cộng	<u>-</u>	<u>94.397.000</u>

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.531.966.825	57.782.720	1.813.624.453	157.704.488	5.561.078.486
Mua sắm trong năm	-	200.871.900	-	-	200.871.900
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>3.531.966.825</u>	<u>258.654.620</u>	<u>1.813.624.453</u>	<u>157.704.488</u>	<u>5.761.950.386</u>
Khấu hao					
Số đầu năm	861.328.936	57.782.720	1.755.613.047	157.704.488	2.832.429.191
Khấu hao trong năm	127.173.274	4.781.738	58.011.406	-	189.966.418
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>988.502.210</u>	<u>62.564.458</u>	<u>1.813.624.453</u>	<u>157.704.488</u>	<u>3.022.395.609</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.670.637.889	-	58.011.406	-	2.728.649.295
Số cuối năm	<u>2.543.464.615</u>	<u>196.090.162</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.739.554.777</u>

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 2.381.746.598 đồng.
- Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản nợ vay tại ngày 31/12/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Mua trong năm	-	-
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Khấu hao		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Số cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	6.468.156.872	6.468.156.872
Số cuối năm	6.468.156.872	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m².

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	1.228.975.128
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.456.560.360	4.137.116.982
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	4.777.613.580	5.774.979.960
Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	1.784.686.833	191.513.500
Các đối tượng khác	1.572.777.570	3.997.689.809
Cộng	10.591.638.343	15.330.275.379

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2020	01/01/2020
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	4.777.613.580	5.774.979.960
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	477.400	477.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	123.139.633	89.754.918
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	30.422.728	199.000.668
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	30.916.480	16.235.160
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	430.811.745
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	46.504.467
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	146.627.593	146.627.593
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	1.228.975.128
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	125.893.800	78.830.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	-	49.727.966
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	-	45.273.580
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	67.957.000	108.897.500
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	-	74.477.897
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	7.965.200
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	44.893.881	730.436.741
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	2.456.560.360	4.137.116.982
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	1.784.686.833	191.513.500
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	36.069.120	9.393.000
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	42.190.200	81.734.200
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	14.026.710	-
Cộng	9.681.475.318	13.448.733.605

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Nhà Sách Bình Minh	8.320.000	8.320.000
Các đối tượng khác	53.112.770	71.863.118
Cộng	61.432.770	80.183.118

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế GTGT	115.179.280	-	44.195.380	38.384.949	109.368.849	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	71.619.137	156.442.502	208.232.127	-	19.829.512
Thuế TNDN	130.940.212	-	240.410.542	267.344.549	157.874.219	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	246.119.492	71.619.137	444.048.424	516.961.625	267.243.068	19.829.512

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
Chi phí bản thảo, biên tập	249.481.000	1.257.837.829
Chi phí hoa hồng môi giới	2.780.772.367	981.916.910
Chi phí khác	65.000.000	65.000.000
Cộng	3.095.253.367	2.304.754.739

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
Cổ tức phải trả	2.203.500	3.736.824
Thù lao trả cho HĐQT	30.200.000	18.400.000
Phải trả khác	3.150.000	3.150.000
Cộng	35.553.500	25.286.824

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2019	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	10.803.086.993
Tăng trong năm	-	-	-	-	4.563.841.193
Giảm trong năm	-	-	-	-	8.894.600.000
Số dư tại 31/12/2019	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	6.472.328.186
Số dư tại 01/01/2020	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	6.472.328.186
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.837.416.965
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	41.370.000.000	2.227.438.218	(679.873.904)	4.894.634.920	9.309.745.151

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Các cổ đông khác	34.110.000.000	34.110.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	940.000.000	940.000.000
Cộng	41.370.000.000	41.370.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	94.000	94.000
- Cổ phiếu phổ thông	94.000	94.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.043.000	4.043.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.472.328.186	10.803.086.993
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.837.416.965	4.563.841.193
Phân phối lợi nhuận	-	8.894.600.000
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	4.851.600.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	4.851.600.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (*)	-	4.043.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	4.043.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	9.309.745.151	6.472.328.186

(*) Cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 10%) đã được Đại hội đồng cổ đông ngày 27/06/2020 của Công ty phê duyệt.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	61.402.678.350	61.674.195.963
Doanh thu khác	866.442.590	58.203.133
Cộng	62.269.120.940	61.732.399.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
Hàng bán bị trả lại	346.482.089	347.271.076
Cộng	346.482.089	347.271.076

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	51.025.482.970	50.478.031.624
Giá vốn hoạt động khác	654.245.496	51.491.036
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	448.921.382	(2.432.647.426)
Cộng	52.128.649.848	48.096.875.234

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Lãi tiền gửi, cho vay	867.091.670	861.291.188
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.361.760.000	2.394.619.102
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	-	9.196.800
Cộng	2.228.851.670	3.265.107.090

25. Chi phí tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(71.230.946)	383.941.501
Chi phí lãi vay	16.569.863	-
Cộng	(54.661.083)	383.941.501

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.287.706.935	3.602.662.266
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	295.378.739	542.033.525
Chi phí hoa hồng môi giới	2.473.519.069	912.800.146
Các khoản khác	1.016.900.093	918.779.932
Cộng	6.073.504.836	5.976.275.869

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.433.014.627	2.727.829.939
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	176.644.173	631.859.396
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	21.840.797	92.423.330
Các khoản khác	1.293.520.194	1.634.819.295
Cộng	2.925.019.791	5.086.931.960

27. Chi phí khác

	Năm 2020	Năm 2019
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	1.150.648	204.775
Các khoản khác	5.322	8.031
Cộng	1.155.970	212.806

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020	Năm 2019
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.077.827.507	5.106.197.908
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(1.360.609.352)	(2.394.414.327)
- Điều chỉnh tăng (Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế)	1.150.648	204.775
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	1.361.760.000	2.394.619.102
Tổng thu nhập tính thuế	1.717.218.155	2.711.783.581
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	240.410.542	542.356.715
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	343.443.631	542.356.715
- Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết số 116 ngày 19/06/2020 (giảm 30% thuế TNDN)	103.033.089	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	270.173.187	1.485.552.398
Chi phí nhân công	3.720.721.562	6.330.492.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	189.966.418	331.398.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.225.609.708	3.007.520.262
Chi phí khác bằng tiền	2.488.055.659	3.562.084.066
Cộng	9.894.526.534	14.717.047.484

30. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

31. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các đại lý, Sở giáo dục, trường học và một số Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học và các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.591.638.343	-	10.591.638.343
Chi phí phải trả	3.095.253.367	-	3.095.253.367
Phải trả khác	35.553.500	-	35.553.500
Cộng	13.722.445.210	-	13.722.445.210
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	15.330.275.379	-	15.330.275.379
Chi phí phải trả	2.304.754.739	-	2.304.754.739
Phải trả khác	25.286.824	-	25.286.824
Cộng	17.660.316.942	-	17.660.316.942

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.802.423.023	-	5.802.423.023
Đầu tư tài chính	4.631.036.755	2.000.000.000	6.631.036.755
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng	8.962.591.884	-	8.962.591.884
Phải thu về cho vay	7.450.000.000	-	7.450.000.000
Phải thu khác	185.041.107	-	185.041.107
Cộng	27.031.092.769	2.000.000.000	29.031.092.769
01/01/2020	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.238.046.806	-	9.238.046.806
Đầu tư tài chính	5.020.723.617	1.516.244.306	6.536.967.923
Phải thu khách hàng	10.034.124.604	-	10.034.124.604
Phải thu về cho vay	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khác	251.068.403	-	251.068.403
Cộng	34.543.963.430	1.516.244.306	36.060.207.736

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Hà Nội	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Đơn vị trực thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán học và tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán tuổi thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư CMC	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm tài chính**

Công ty liên quan	Năm 2020	Năm 2019
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	479.827.521	198.940.823
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	8.115.466.256	584.837.660
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	13.025.100	40.678.780
Công ty CP Học liệu (EMCO)	16.415.300	59.229.332
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	943.384.450	1.319.427.264
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	275.326.320	303.300.360
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	68.848.600	334.368.417
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	-	17.030.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	1.321.703.500	2.175.355.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	921.876.154	3.129.018.260
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	13.332.480	95.567.840
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	250.361.534	405.361.171
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	247.963.358	159.953.501
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	3.281.035.470	487.888.180
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	278.162.041	1.704.161.240
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	133.419.096	394.420.131
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	2.407.981.114	985.191.070
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	231.623.680	-
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	10.099.208.120	10.861.824.160
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi trẻ	-	7.799.400
Công ty CP Sách Dân Tộc	33.384.715	128.825.380
Công ty CP Sách đại học dạy nghề	33.815.060	161.138.900
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	128.268.800	201.803.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	88.075.560	351.461.112
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	682.582.768	1.746.096.090
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	97.063.800	32.808.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	816.867.100	2.265.894.809
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	820.250.860	1.664.550.736
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP. HCM	11.166.000	184.585.200
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	-	2.139.170.695
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	345.539.800	3.735.021.150
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	432.548.960	678.897.500
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	74.169.900
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	542.148.865	1.065.703.404
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	26.676.120	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	2.213.136.660	3.032.621.850
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	10.865.060.579	10.130.082.590
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	30.456.000	-
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	30.150.083.890	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long	217.772.970	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	22.815.740	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Năm 2020	Năm 2019
Công ty CP Sách - Thiết bị Vĩnh Long		
Cho vay	-	2.457.193.913
Thu tiền cho vay	-	9.402.703.713
Góp vốn	-	8.889.800.000
Công ty CP Đầu tư CMC		
Cho vay	-	10.000.000.000
Thu tiền cho vay	2.550.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam		
Cho vay	1.000.000.000	-
Thu tiền cho vay	1.000.000.000	-

c. Các giao dịch khác

		Năm 2020	Năm 2019
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	637.779.000	605.278.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	108.000.000	162.600.000

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty thông báo chốt danh sách cổ đông vào ngày 24/03/2021 để chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%. Ngày dự kiến chi trả 08/04/2021.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Ái Bình

Nguyễn Thị Lan Phương

Đỗ Thị Ngọc Hà

Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021